TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01 - 2021
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Bá Thị Thu Vân

- Bà Lê Thị Hường

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-ST, ngày 07-12-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 21-12-2020.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy S, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn**:** Ông Trần Văn T, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân*:* Bà S, ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, về chung sống và có đến UBND xã P đăng ký kết hôn năm 2019; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng tháng 6 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn, có tiền tiêu xài cá nhân, làm nợ nên tthường xảy ra cãi vã và sống ly thân.

Nay bà S xét thấy tình cảm giữa bà với ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án tống đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà S được ly hôn ông T.

Về con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3]Về hôn nhân**:** Bà Nguyễn Thị Thúy S, ông Trần Văn T tự tìm hiểu chung sống với nhau năm 2019 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng tháng 6 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân.

Qua xác minh bà S, ông T có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà S, ông T cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà S xin ly hôn ông T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung*:* Không có.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[7] Về án phí**:** Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà S là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022602, ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy S, bà Nguyễn Thị Thúy S được ly hôn ông Trần Văn T.

Về án phí**:** Buộc bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà S đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0022602, ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sửu

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Lê Thị Hường; Bá Thị Thu Vân	**Đoàn Sửu**